

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 328/2024/HS-PT

Ngày 17/4/2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hải;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 275/2023/TPT-HS ngày 07 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Đỗ Thanh T và các bị cáo khác. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 415/2022/HS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Thanh T sinh năm 1990; giới tính: Nam; nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã S, huyện B, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số nhà E, ngách F đường L, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Đỗ Hữu T1; họ tên mẹ: Phan Thị T2; họ tên vợ: Lê Thái N; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018); nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Tiến Đ sinh năm 1991; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số C, ngõ B phố N, tổ A, phường N, quận L, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Nguyễn Văn T3; họ tên mẹ: Hà Thị T4; họ tên vợ: Phạm Thị C; có 02 con (con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022); nhân thân, tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Tuấn T5 sinh năm 2001; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số nhà B phố T, tổ H, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Sinh

viên; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Nguyễn Văn C1; họ tên mẹ: Lê Thị Mai P; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

4. Trịnh Thị Thu P1 sinh năm 1994; Giới tính: Nữ; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số B Thôn T, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; họ tên bố: Trịnh Văn P2; họ tên mẹ: Vũ Thị Đ1; họ tên chồng: Trần Đức Q (đã ly hôn); có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017); nhân thân; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Hương T6, sinh năm 1976; trú tại: B chung cư T, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Lê Thu H - Luật sư Văn phòng L2 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Mai Thị H1, Phạm Hương L, Dương Mai N1, Mai H2 bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Ngô Thị Khánh V bị kết án về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị Hoài T7 (sinh năm 1990, quê quán: xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội; đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Phú Thọ, Quốc tịch: Đài Loan) là đối tượng đã xuất cảnh từ Việt Nam đến Đài Loan từ ngày 02/07/2009, sau đó kết hôn với Mã Chí P3 (quốc tịch: Đài Loan) và sinh sống tại Đài Loan. Thương có tham gia các giao dịch mua bán tiền điện tử kỹ thuật số (B, USDT....) của các hội, nhóm trên mạng xã hội tại Đài Loan và Việt Nam. Thông qua liên lạc trong các hội, nhóm trên mạng xã hội, năm 2018, T7 quen Đỗ Thanh T, T7 và T thường xuyên liên lạc với nhau qua ứng dụng mạng xã hội và nhiều lần mua bán bitcoin với nhau thông qua hình thức T sẽ mua bitcoin của những người khác với giá rẻ sau đó bán lại cho T7 với giá cao hoặc T mua bitcoin của T7 với giá rẻ rồi bán lại cho người khác với giá cao để hưởng tiền chênh lệch. Số tiền mua bitcoin sẽ được T7 chuyển từ nhiều tài khoản khác nhau đến tài khoản của T mở tại Việt Nam. Thương cũng đã nhiều lần về Việt Nam, gặp T để trao đổi về việc mua bán bitcoin trên. Đến năm 2019, T7 nói với T về việc T7 cần tìm nhân viên để làm thống kê, tổng hợp, báo cáo các giao dịch mua bán cho T7 ở Việt Nam nên T đã giới thiệu Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tuấn T5 làm thuê cho

T7. Thương yêu cầu Đ và T5 mở tài khoản ngân hàng có đăng ký dịch vụ Internet banking hoặc sử dụng tài khoản đã có sẵn và cung cấp số tài khoản cho T7, sau đó sử dụng các tài khoản ngân hàng đã mở để nhận các khoản tiền do T7 chuyển đến và chuyển các khoản tiền đến các tài khoản khác theo yêu cầu của T7. Để điều hành công việc, Thương yêu cầu Đ, T5 cài đặt ứng dụng “Line” trên điện thoại cá nhân, T7 sẽ tạo các nhóm liên lạc (trong đó có nhiều đối tượng cùng thực hiện nhận, chuyển tiền cho T7) để thông báo việc nhận, chuyển tiền. Đ và T5 được T7 cho vào các nhóm như “Công ty V1, Chị Đ2, Loan Đ3...”. Tại các nhóm này, hàng ngày T7 sẽ thông báo số tiền mà các đối tượng sẽ nhận được và số tiền, số tài khoản, nội dung ghi chuyển khoản mà các đối tượng cần chuyển đi. Sau khi thực hiện xong giao dịch chuyển tiền, các đối tượng sẽ chụp ảnh xác nhận giao dịch chuyển tiền gửi vào nhóm. Ngoài ra, T5 và Đ còn được T7 giao nhiệm vụ hàng ngày lập bảng thống kê số tiền nhận và chuyển đi trong các nhóm được tham gia để gửi cho T7. Mỗi tháng, T7 trả công cho T5 số tiền 5 triệu đồng, trả công cho Đ số tiền 7 triệu đồng.

Năm 2020, T7 biết thông tin về việc Mai H2 (là dì của T7) đi xuất khẩu lao động tại Singapore về Việt Nam nhưng chưa tìm được việc làm nên T7 rủ H2 làm dịch vụ chuyển tiền cho T7 ở Việt Nam thông qua việc sử dụng các thông tin cá nhân của H2 để đăng ký mở tài khoản ngân hàng có đăng ký dịch vụ Internet banking sau đó gửi các thông tin về tài khoản gồm: số tài khoản, mật khẩu truy cập, số điện thoại đăng ký dịch vụ Internet Banking để T7 sử dụng giao dịch chuyển tiền. Thương thỏa thuận khi thực hiện hoàn thành các giao dịch chuyển tiền thì T7 sẽ trả công cho H2 nên H2 đồng ý và đăng ký mở tài khoản số 19036058433018 tại ngân hàng T13 - Chi nhánh thành phố V, tỉnh Phú Thọ, sau đó chuyển các thông tin về tài khoản nêu trên cho T7 sử dụng. Ngoài nhờ H2 mở tài khoản ngân hàng thì T7 còn rủ Phạm Hương L (là con gái H2) đăng ký mở tài khoản số 19036069681013 tại ngân hàng T13, mở tài khoản số 207201045 tại ngân hàng V2 sau đó chuyển thông tin truy cập 02 tài khoản trên cho T7 sử dụng; rủ Mai Thị H1 (là chị gái của H2) mở tài khoản số 19036024941014 tại ngân hàng T13, mở tài khoản số 0801000261866 tại ngân hàng V3; rủ Dương Mai N1 (là con trai của H1) mở tài khoản số 19036049008010 tại ngân hàng T13. Thông tin và quyền truy cập các tài khoản của H1, N1, L đều được chuyển cho T7 để sử dụng. T7 cũng thêm Dương Mai N1 và Phạm Hương L vào các nhóm chuyển tiền (có Đ và T5 tham gia) để nhận các yêu cầu nhận tiền hoặc chuyển tiền của T7 đồng thời hàng ngày N1 và L cũng thống kê các giao dịch đã nhận và chuyển tiền rồi gửi cho T7 biết.

Khoảng 9h30 ngày 25/8/2020, chị Nguyễn Thị H3 T6 nhận được cuộc điện thoại gọi đến của một người nam giới (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) giới thiệu là đại diện đơn vị dịch vụ bưu chính gửi cho chị T6 một “Trát hầu tòa” tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với lý do chị T6 nợ thẻ tín dụng quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo cho chị T6. Sau đó, người nam giới này

chuyển máy cho chị T6 để nói chuyện với những người nam giới khác thông qua các số điện thoại: “8702196422”, “882438269593” và tài khoản Z “BCA”. Các đối tượng nam giới nói chuyện với chị T6 đã giới thiệu là cán bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, yêu cầu chị T6 rút tiền trong các sổ tiết kiệm sau đó chuyển vào tài khoản của chị T6 mở tại Ngân hàng TMCP S1 (S2) và Ngân hàng TMCP S1 (S3) đồng thời cung cấp tài khoản có đăng ký sử dụng dịch vụ internet banking, mật khẩu truy cập, mã OTP cho các đối tượng để xác minh. Mặt khác, các đối tượng yêu cầu chị T6 phải ngắt sử dụng sim điện thoại trong vòng 72 giờ để phục vụ công tác điều tra. Thực hiện theo yêu cầu của các đối tượng, từ ngày 25/8/2020 đến ngày 27/8/2020, chị T6 đã tắt toán 14 sổ tiết kiệm của chị T6 và vay tiền của bạn bè, người thân với tổng số tiền là 11.959.255.000 đồng để chuyển đến tài khoản số 1005560625 của chị T6 mở tại Ngân hàng S2 và tài khoản số 076769190001 mở tại Ngân hàng S3. Khi chị T6 chuyển tiền đến các tài khoản của chị T6 như trên, các giao dịch chuyển tiền đầu tiên, các đối tượng đã yêu cầu chị Thủy cung c mã OTP cho các đối tượng từ đó các đối tượng đã sử dụng mã OTP chị Thủy cung c để thay đổi và chiếm đoạt quyền điều khiển 02 tài khoản ngân hàng nêu trên của chị T6 và thực hiện các lệnh chuyển tiền đến các tài khoản của các đối tượng sau đó chiếm đoạt. Do chị T6 đã ngắt sử dụng sim điện thoại nên khi các đối tượng thực hiện các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của chị T6 đến các tài khoản của đối tượng thì chị T6 không nhận được các thông báo của ngân hàng gửi đến số điện thoại của chị T6. Sau khi chị T6 khởi động sim điện thoại để sử dụng thì nhận được lệnh chuyển tiền từ các tài khoản của chị T6 chuyển đến nhiều tài khoản khác, phát hiện việc bị các đối tượng chiếm đoạt tài sản nên chị T6 đã đến trình báo tại Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an thành phố H. Sau khi xác minh ban đầu, Phòng an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao Công an thành phố H đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H để điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Lần theo dòng tiền, Cơ quan điều tra phát hiện Mai Thị Hoài T7 đã thuê các bị cáo (07 bị cáo) chia nhỏ, rút, chuyển khoản lòng vòng để chiếm đoạt tiền. Cụ thể:

I. Hành vi chuyển tiền:

Từ ngày 25/8/2020 đến ngày 30/8/2020, sau khi chiếm đoạt được số tiền 11.959.255.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hương T6, các đối tượng lừa đảo (chưa xác định) đã chia nhỏ số tiền, chuyển qua rất nhiều tài khoản ngân hàng khác rồi từ các tài khoản ngân hàng đó lại chuyển dồn đến các tài khoản của Phạm Hương L và Dương Mai N1 để rút tiền mặt ra; sau đó, L và N1 đưa số tiền trên cho Mai Thị H1 (là mẹ của N1), Mai H2 (là mẹ đẻ của Phạm Hương L). Mai Thị H1, Mai H2 lại chuyển toàn bộ số tiền mặt trên vào tài khoản của mình rồi chuyển đi đến các tài khoản do Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tuấn T5, Đỗ Thanh T là những người

trực tiếp quản lý các tài khoản ngân hàng để nhận tiền, rút tiền ra và chuyển tiếp số tiền của chị Nguyễn Thị Hương T6 đến nhiều tài khoản khác nhau.

Các đối tượng Phạm Thị L1, Dương Mai N1, Mai Thị H1, Mai H2, Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tuấn T5 khai quen biết với Mai Thị Hoài T7 là đối tượng đã xuất cảnh từ Việt Nam đến Đài Loan từ ngày 02/07/2009, sau đó kết hôn với chồng là người Đài Loan và sinh sống tại Đài Loan. Mai Thị Hoài T7 liên lạc với các đối tượng qua các ứng dụng Line gọi điện nhắn tin qua mạng Internet. Đến khoảng đầu năm 2019, Mai Thị Hoài T7 rủ Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tuấn T5 và Mai H2, Mai Thị H1, Dương Mai N1, Phạm Thị L1 (là cô và em họ T7), mở nhiều tài khoản ngân hàng, hoặc mượn các tài khoản của người khác rồi thông báo thông tin tài khoản cho T7 để nhận tiền, rút tiền và chuyển tiền theo sự chỉ đạo của T7. Để tiện cho việc nhận và chuyển tiền, T7 và các đối tượng thành lập nhóm chuyên nhận và chuyển tiền theo sự chỉ đạo của T7, T7 trả công cho các đối tượng theo những lần chuyển, theo ngày hoặc trả lương theo tháng. Mỗi tháng, Mai Thị H4 T7 yêu cầu Phạm Thị L1, Dương Mai N1, Mai H2, Mai Thị H1, Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tuấn T5 nhận và chuyển từ 20.000.000.000 đồng đến 30.000.000.000 đồng/tháng, các đối tượng đều nhận thức đây là số tiền bất chính (có thể do đánh bạc hoặc lừa đảo mà có) vì các đối tượng biết T7 không có hoạt động kinh doanh gì mà chuyển số tiền với một lượng rất lớn, cách thức nhận tiền và chuyển tiền không bình thường chuyển lòng vòng qua nhiều tài khoản của chính mình và chuyển đến tài khoản của các đối tượng khác trong nhóm, có lúc chia nhỏ số tiền rồi chuyển tiền từ nhiều tài khoản vào một tài khoản.

Hành vi của từng bị cáo như sau:

1. Mai Thị H1: Nhận thuê chuyển tiền cho Mai Thị Hoài T7 từ tháng 6/2020. Từ 25/8/2020 đến 29/8/2020 đã nhận từ Phạm Hương L, Dương Mai N1 11.617.000.000 đồng tiền mặt rồi chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn C1 do Nguyễn Tuấn T5 quản lý số tiền 9.384.000.000 đồng, chuyển 2.233.000.000 đồng vào tài khoản của Phạm Văn N2 do Nguyễn Tiến Đ quản lý.

2. Phạm Hương L: Mở 02 tài khoản T13 và V2, nhận 7.606.000.000 đồng từ các tài khoản do Dương Mai N1 sử dụng. L chuyển đi tiếp 578.000.000 đồng, rút 7.028.000.000 đồng để chuyển cho Mai Thị H1 và Mai H2.

3. Dương Mai N1: Từ ngày 26/8/2020 đến ngày 28/8/2020, qua 04 tài khoản khác nhau Dương Mai N1 đã nhận, rút và chuyển 8.588.000.000 đồng.

4. Mai H2: Nhận thuê chuyển tiền từ tháng 6/2020. Đến 26/8/2022 nhận 1.455.000.000 đồng từ Phạm Hương L và chuyển tiếp vào tài khoản của T7 tại T13, được trả công 500.000 đồng.

5. Đỗ Thanh T: Từ ngày 25/8/2020 đến 31/8/2020, sử dụng các tài khoản khác nhận 464.000.000 đồng từ Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tuấn T5 chuyển đến.

Sau đó, T lại chuyển tiếp đến các tài khoản khác nhau. Ngoài ra T còn chuyển các khoản tiền khác cho T7 hơn 200 tỷ đồng.

6. Nguyễn Tiến Đ: Thông qua Đỗ Thanh T giới thiệu, đã sử dụng 04 tài khoản để chuyển tiền thuê cho T7. Từ 25/8/2020 đến 31/8/2020 nhận từ Mai Thị H1 2.233.000.000 đồng, nhận từ tài khoản của Phạm Thị C 1.071.000.000 đồng rồi chuyển tiếp đến 20 tài khoản khác nhau. Ngoài ra Đ còn chuyển cho T7 gần 300 tỷ đồng.

7. Nguyễn Tuấn T5: Thông qua Đỗ Thanh T giới thiệu, chuyển tiền thuê cho T7 nhận công mỗi tháng 7.000.000 đồng. Từ 25/8/2020 đến 31/8/2020 nhận từ Dương Mai N1, Mai H2, Mai Thị H1 tổng số tiền 11.250.000.000 đồng rồi chuyển đến 20 tài khoản khác nhau.

Cơ quan điều tra đã xác minh, truy tìm đối với Mai Thị Hoài T7. nhưng đến nay vẫn chưa xác định được T7 đang ở đâu, chưa làm rõ được T7 có phải là đối tượng gọi điện lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Hương T6 hay không. Tài liệu chứng cứ thu thập chưa đủ căn cứ để khởi tố và xử lý đối với T7, vì vậy Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự trên để tiếp tục điều tra làm rõ sau.

Vật chứng vụ án:

Quá trình xác minh, điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ những đồ vật, tiền trong các tài khoản của các bị cáo gồm: Phạm Hương L, Mai Thị H1, Mai H2, Dương Mai N1.

Ngày 20/11/2020 các bị can Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Thanh T đã gặp chị Nguyễn Thị Hương T6 và đã tự khắc phục số tiền 1.000.000.000 đồng cho chị T6.

Quá trình điều tra, bị can Mai Thị H1 và Mai H2 đã tự nguyện giao nộp số tiền hưởng lợi là 36.500.000 đồng để khắc phục hậu quả thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Hương T6.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định thu giữ số tiền đã được phong tỏa trong 10 tài khoản do các bị cáo quản lý và những người liên quan để phục vụ công tác điều tra vụ án, tổng cộng 5.146.000.000 đồng.

Đây là những tài khoản ngân hàng do các bị cáo sử dụng và những tài khoản ngân hàng của người liên quan đứng tên tài khoản nhưng đã bán, cho người khác mượn sử dụng, không biết nguồn gốc số tiền chuyển đến, chuyển đi và không thực hiện giao dịch, đều đồng ý để Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tạm giữ và trả lại người bị hại. Cơ quan điều tra đang làm việc với các ngân hàng để chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để xử lý theo quy định của pháp luật.

II. Về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Từ các tài khoản ngân hàng mà nhóm các bị cáo sử dụng chuyển tiền, phát hiện Ngô Thị Khánh V và Trịnh Thị Thu P1 có hành vi làm giả Giấy chứng minh nhân dân (thay ảnh của mình vào các Giấy chứng minh nhân dân) để mở các tài khoản ngân hàng rồi rao bán trên mạng xã hội. Cụ thể:

Cơ quan điều tra xác minh dòng tiền giao dịch với tài khoản của chị T6 xác định số tiền 1.484.000.000 đồng được chuyển đến tài khoản đứng tên Trần Đình K (sinh năm 2001; trú tại thôn Q, xã V, huyện B, thành phố Hà Nội).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đình K khai: Tháng 7/2020, K thấy trên tài khoản facebook tên “Nguyễn Thùy T8” đăng tin tìm người mở thẻ Ngân hàng với giá 200.000 đồng/tài khoản. K đã liên hệ gặp Trịnh Thị Thu P1 và Ngô Thị Khánh V để hướng dẫn K đến Ngân hàng T13 chi nhánh H5 mở tài khoản số 19036088122017 và đến Ngân hàng E mở tài khoản số 17111010100248 có đăng ký dịch vụ Internet banking. Sau khi mở tài khoản, K đã chuyển các thông tin đăng nhập của 02 tài khoản trên cho P1 và được trả công số tiền 400.000 đồng. K không biết P1 đã sử dụng các tài khoản nêu trên để thực hiện giao dịch gì.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Thị Thu P1 và Ngô Thị Khánh V khai nhận: Khoảng tháng 02/2020, Trịnh Thị Thu P1 có quen biết với Ngô Thị Khánh V. P1 và V đều là đối tượng không có nghề nghiệp, tuy nhiên để có tiền chi tiêu cá nhân V và P1 thoả thuận bàn bạc thống nhất với nhau đăng tải trên mạng xã hội với nội dung thuê người (thường là sinh viên) mở thẻ ngân hàng với giá 200.000 đồng/thẻ, rồi đưa thẻ và thông tin tài khoản cho V, P1 để bán lại các tài khoản ngân hàng đó để kiếm lời với giá 700.000 đồng đến 800.000 đồng/ 01 thẻ (trong đó có tài khoản của Trần Đình K). Ngoài ra, P1 và V còn đăng tải trên mạng xã hội về nội dung thu mua các giấy chứng minh nhân dân (loại 9 số), P1 và V đã thu mua chứng minh thư nhân dân của nhiều người. Sau đó sửa thông tin về chân dung, thay ảnh chân dung của V, P1 vào giấy chứng minh nhân dân rồi cùng nhau đi mở nhiều tài khoản Ngân hàng bán lại cho các đối tượng trên mạng xã hội để kiếm lời. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02/2020 đến tháng 4/2020, V và P1 lên mạng xã hội đã thu mua được tổng số 34 giấy chứng minh nhân dân với giá 100.000đ/cái, việc giao dịch mua bán được V thực hiện thông qua dịch vụ xe ôm Grap để nhận hàng. Sau khi mua được các giấy chứng minh nhân dân nêu trên, V và P1 đã bóc tách, bỏ các ảnh trong giấy chứng minh nhân dân đồng thời sử dụng hồ để dán ảnh của V, P1 vào các giấy chứng minh nhân dân này và mang ra hiệu ảnh để ép plastic. Sau đó V, P1 đi mua các sim điện thoại và mang các chứng minh nhân dân đã được thay ảnh đến các Ngân hàng làm thủ tục mở tài khoản rồi bán lại cho Lý Thị Minh N3 (sinh năm 1991; trú tại căn hộ P, khu đô thị S, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội) và các đối tượng trên mạng với giá từ 700.000 đồng đến 800.000 đồng để kiếm lời. Từ tháng 6/2020 đến đầu tháng 9/2020, V và P1 đã bán cho N3 khoảng 30 tài khoản (V, P1 không nhớ được cụ thể chính xác thông tin tài khoản bán cho N3), mỗi tài khoản N3 trả cho V, P1 với giá từ 700.000 đồng

đến 1.200.000 đồng/tài khoản. Với phương thức thủ đoạn như trên, Trịnh Thị Thu P1 đã hưởng lợi 12.000.000 đồng, Ngô Thị Khánh V hưởng lợi 20.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 4799/KL-GD-PC09-Đ3 ngày 16/6/2021 của Phòng K1 - Công an thành phố H, kết luận:

“... 1. Các giấy chứng minh nhân dân cần giám định (Ký hiệu A13, A17) phát hiện thấy dấu vết bóc tách thay ảnh. Không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa. Hình dấu, chữ ký đúng với mẫu hiện lưu tại Phòng K1 - Công an thành phố H.

2. Các giấy chứng minh nhân dân cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A12, từ A14 đến A16, từ A18 đến A32) phát hiện thấy dấu vết bóc tách thay ảnh. Không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa. Hình dấu, chữ ký hiện Phòng K1 - Công an thành phố H không có mẫu lưu nên không tiến hành giám định.

3. Giấy chứng minh nhân dân cần giám định (Không có ảnh - Ký hiệu A33) Không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa. Hình dấu, chữ ký hiện Phòng K1 - Công an thành phố H không có mẫu lưu nên không tiến hành giám định.

4. Giấy chứng minh nhân dân cần giám định (ký hiệu A34) là chứng minh nhân dân giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.”

Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị 92 ngân hàng trong hệ thống ngân hàng N5 cung cấp thông tin đối với 34 chứng minh nhân dân đã thu giữ nêu trên, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời của ngân hàng N5. Do đối tượng Trần Đình K và Lý Thị Minh N3 không cung cấp được thông tin về đối tượng “Trang” và đối tượng sử dụng tài khoản Zalo tên “T”, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ về các đối tượng này.

Đối với hành vi của Lý Thị Minh N3: N3 là đối tượng liên hệ trực tiếp mua các tài khoản Ngân hàng mà V, P1 mở. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được đến nay chưa đủ cơ sở xác định N3 đồng phạm với V và P1 trong việc Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; chưa làm rõ được số lượng tài khoản cũng như các đối tượng thực hiện hành vi mua bán tài khoản với N3. Vì vậy Cơ quan điều tra đã tách tài liệu liên quan đến hành vi của N3 để tiếp tục điều tra làm rõ sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 415/2022/HSST ngày 26/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tuấn T5 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Trịnh Thị Thu P1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Đỗ Thanh T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

+ Bị cáo Nguyễn Tiến Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

+ Bị cáo Nguyễn Tuấn T5 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị Thu P1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tuấn T5 cùng các bị cáo Mai Thị H1, Phạm Hương L, Dương Mai N1, Mai H2 còn phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Hương T6 số tiền 5.776.755.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). (11.959.255.000 đồng - 1.000.000.000 đồng - 5.146.000.000 đồng – 36.500.000 đồng = 5.776.755.000 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Mai Thị H1, Phạm Hương L, Dương Mai N1, Mai H2, Ngô Thị Khánh V; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2022, bị cáo Nguyễn Tiến Đ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 07/10/2022, bị cáo Đỗ Thanh T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 08/10/2022, bị cáo Nguyễn Tuấn T5 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phân trách nhiệm dân sự.

Ngày 17/02/2023, bị cáo Trịnh Thị Thu P1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Thanh T giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, về phân trách nhiệm dân sự đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đồng thời từ chối không yêu cầu luật sư Nguyễn Đình T9 bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo tự bào chữa cho mình; bị cáo Trịnh Thị Thu P1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết.

Người bị hại là chị Nguyễn Thị Hương T6 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo tuổi đời còn trẻ, không được hưởng lợi, chỉ là người làm thuê hưởng công; các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại. Đề nghị Hội

đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo T5, Đ và T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, xét xử các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo Trịnh Thị Thu P1 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T5, Đ, T và áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị Thu P1; Xử phạt Nguyễn Tuấn T5 06 năm tù, Nguyễn Tiến Đ 05 năm tù, Đỗ Thanh T 04 năm tù, Trịnh Thị Thu P1 03 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T5, Đ, T xuất trình Biên lai nộp tiền án phí sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm cho người bị hại: Bị cáo T5 bồi thường thêm 200 triệu đồng, bị cáo Đ bồi thường thêm 50 triệu đồng, bị cáo T bồi thường thêm 100 triệu đồng cho người bị hại; người bị hại có ý kiến xin giảm hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tuấn T5 có ông nội là Nguyễn Văn N4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Bằng khen vì có thành tích bảo vệ và xây dựng tỉnh Sơn La, Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, bà nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; trong quá trình học tập, bị cáo Thành đ được nhiều giải thưởng cấp trường và cấp tỉnh, được tặng thưởng nhiều Giấy khen.

Bị cáo Nguyễn Tiến Đ xuất trình đơn có xác nhận của UBND xã N xác nhận bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, có 02 con còn nhỏ đang tuổi ăn học.

Bị cáo Đỗ Thanh T có mẹ đẻ là bà Phan Thị T2 được tặng thưởng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, ông Lê Quang P4 là ông ngoại bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà Lê Thị Q1 là bà ngoại bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bà nội bị cáo là Nguyễn Thị Y đang thờ cúng liệt sỹ Mã Văn S, bố bị cáo là ông Nguyễn Hữu T10 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo không có việc làm ổn định, 03 con bị cáo còn nhỏ.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T5, Đ và T, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Trịnh Thị Thu P1: Trong vụ án này, ngoài 03 giấy chứng minh nhân dân giả do bị cáo trực tiếp làm thì bị cáo chỉ là người nghe theo chỉ đạo của V là đăng lên mạng xã hội facebook để tìm kiếm mua bán chứng minh nhân dân sau đó dán ảnh của các bị cáo vào để mở tài khoản bán cho người khác,

bị cáo là người giúp sức cho bị cáo V và tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho V và N3, số tiền bị cáo được hưởng lợi không lớn. Do đó, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tài liệu thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn chồng, hiện đang phải nuôi con nhỏ sinh năm 2017, bị cáo có 02 người em bị khuyết tật tâm thần; bố bị cáo thường xuyên đau ốm và phải đi viện thăm khám, gia đình bị cáo được xác nhận là hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo tiếp cận. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc; do đó, có căn cứ giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Thanh T, giảm cho các bị cáo T và Đ, mỗi bị cáo từ 06-12 tháng tù, giảm cho bị cáo T5 18 tháng tù; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Thu P1, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của người bào chữa và bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đối với các bị cáo, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thẩm quyền xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 269 Bộ luật Tố tụng hình sự; xác định đúng, đầy đủ tư cách người tham gia tố tụng theo quy định của luật tố tụng. Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Trịnh Thị Thu P1 trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, đơn trình báo, lời trình bày của bị hại phù hợp với các chứng cứ điện tử, các giao dịch chuyển tiền ngân hàng đã được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, cùng các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

[2.1]. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 25/8/2020, chị Nguyễn Thị Hương T6 bị các đối tượng lừa đảo gọi điện thoại giả danh cơ quan Nhà nước yêu cầu chị T6 phải cung cấp tài khoản ngân hàng, tài khoản internet banking, mật khẩu truy cập, mã OTP cho các đối tượng để xác minh. Sau khi các đối tượng chiếm đoạt được quyền điều khiển tài khoản ngân hàng của chị T6, từ ngày 25/8/2020 đến ngày 30/8/2020 các đối tượng lừa đảo đã thực hiện các giao dịch chuyển hết số

tiền 11.595.255.000 đồng từ tài khoản của chị T6 đến nhiều tài khoản khác nhau bằng hình thức chia nhỏ số tiền rồi chuyển đến nhiều tài khoản khác nhau để chiếm đoạt toàn bộ tiền của chị T6. Các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ cùng Phạm Hương L, Dương Mai N1, Mai Thị H1, Mai H2 đã có hành vi giúp sức bằng cách sử dụng tài khoản ngân hàng của các bị cáo và tài khoản ngân hàng của nhiều người khác do các bị cáo quản lý để nhận tiền, rút tiền và chuyển số tiền chiếm đoạt của chị T6 đến nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau để giúp đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị T6.

[2.2]. Để mở được nhiều tài khoản ngân hàng nhằm mục đích bán kiếm lời, các bị cáo Ngô Thị Khánh V, Trịnh Thị Thu P1 đã có hành vi mua các giấy chứng minh nhân dân (loại 9 số) thật của người khác, rồi sửa thông tin hình ảnh trong tài liệu này bằng cách thay ảnh của mình vào rồi dùng để mở nhiều tài khoản, đăng ký sử dụng Internet Banking tại các ngân hàng và rao bán trên mạng xã hội. Cụ thể các bị cáo đã làm giả 34 tài liệu; trong đó bị cáo P1 trực tiếp làm giả 03 chứng minh nhân dân và tham gia cùng bị cáo V làm giả 31 chứng minh nhân dân, bị cáo Trịnh Thị Thu P1 thu lợi 12.000.000 đồng.

[2.3]. Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ với vai trò đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trịnh Thị Thu P1 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Mai Thị H1, Phạm Hương L, Dương Mai N1, Mai H2, Ngô Thị Khánh V; do các bị cáo này không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập cụ thể.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Trịnh Thị Thu P1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1]. Đối với các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tham gia tội phạm với vai trò đồng phạm giúp sức; tích cực khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình Biên lai nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại, cụ thể bị cáo T5 bồi thường thêm

200.000.000 đồng, bị cáo T bồi thường thêm 100.000.000 đồng, bị cáo Đ bồi thường thêm 50.000.000 đồng cho người bị hại; thể hiện sự tự nguyện chấp hành một phần quyết định của bản án sơ thẩm, mong muốn khắc phục đối với hậu quả đã xảy ra, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, được bị hại tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo đều có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Quá trình xét xử sơ thẩm, bị cáo T5 xuất trình tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, có ông nội là Nguyễn Văn N4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Bằng khen vì có thành tích bảo vệ và xây dựng tỉnh Sơn La, Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, bà nội bị cáo là Nguyễn Thanh T11 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; ông ngoại bị cáo là Lê Đ4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Ba; trong quá trình học tập, bị cáo Thành đ được nhiều giải thưởng cấp trường và cấp tỉnh, được tặng thưởng nhiều Giấy khen. Bị cáo Đỗ Thanh T có mẹ đẻ là bà Phan Thị T2 được tặng thưởng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng, ông ngoại bị cáo là Lê Quang P4 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà ngoại bị cáo là Lê Thị Q1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bà nội bị cáo là Nguyễn Thị Y đang thờ cúng liệt sỹ Mã Văn S nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo, do đó cấp phúc thẩm sẽ áp dụng cho các bị cáo.

Xét thấy, trong vụ án này, các bị cáo cũng chỉ là những đối tượng bị rủ rê lôi kéo, không trực tiếp chiếm đoạt tiền của bị hại, phạm tội với vai trò giúp sức, không được hưởng lợi cá nhân. Vì vậy, với phân tích trên, căn cứ mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, thái độ chấp hành pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ.

[3.2]. Đối với bị cáo Trịnh Thị Thu P1: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ bảo vệ tài liệu, hoạt động hành chính bình thường của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét thái độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đã quyết định xử phạt bị cáo Trịnh Thị Thu P1 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu mới thể hiện bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn,

đã ly hôn chồng, hiện đang phải nuôi con nhỏ sinh năm 2017, bị cáo có 02 người em bị khuyết tật tâm thần. Theo hồ sơ bệnh án của Trịnh Thị Phương M, sinh năm 2001 (em gái của bị cáo) bị bệnh tâm thần phân liệt F20, điều trị không ổn định, hàng tháng được hưởng 700.000 đồng tiền trợ cấp cho người khuyết tật và Trịnh Văn T12, sinh năm 2015 (em trai của bị cáo) được xác định là khuyết tật tâm thần, khuyết tật trí tuệ, mức độ đặc biệt nặng, phải có sự chăm sóc, hỗ trợ từ gia đình; bố bị cáo thường xuyên đau ốm và phải đến bệnh viện thăm khám, không đi làm và hưởng lương theo chế độ hưu trí, gia đình bị cáo được xác nhận là hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo tiếp cận theo tiêu chí đa chiều của Chính Phủ giai đoạn 2021-2025. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng cho bị cáo. Xét thấy, trong vụ án này bị cáo P1 chỉ trực tiếp làm giả 03 chứng minh nhân dân và tham gia giúp bị cáo V làm giả 31 chứng minh nhân dân, nên bị cáo chỉ là người giúp sức cho bị cáo V; gia đình bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Do đó, có thể áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo và giảm cho bị cáo một phần hình phạt như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và không đề nghị xem xét. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo T12 đã bồi thường thêm 200.000.000 đồng, bị cáo T bồi thường thêm 100.000.000 đồng, bị cáo Đ bồi thường thêm 50.000.000 đồng cho bị hại chị T6; tổng số tiền các bị cáo đã bồi thường thêm cho chị T6 là 350.000.000 đồng. Vì vậy, cần được đối trừ số tiền này để buộc các bị cáo trong vụ án phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Trịnh Thị Thu P1 được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Trịnh Thị Thu P1; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 415/2023/HS-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Trịnh Thị Thu P1; cụ thể:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ, Nguyễn Tuấn T5 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Trịnh Thị Thu P1 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

+ Bị cáo Đỗ Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

+ Bị cáo Nguyễn Tiến Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

+ Bị cáo Nguyễn Tuấn T5 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Thị Thu P1 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Xác nhận các bị cáo Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ và Đỗ Thanh T trong giai đoạn xét xử phúc thẩm đã trực tiếp khắc phục một phần hậu quả trả cho bị hại chị Nguyễn Thị Hương T6 số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Tuấn T5 đã bồi thường 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); bị cáo Nguyễn Tiến Đ đã bồi thường 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Bị cáo Đỗ Thanh T đã bồi thường 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

- Các bị cáo Đỗ Thanh T, Nguyễn Tiến Đ và Nguyễn Tuấn T5 cùng các bị cáo Mai Thị H1, Phạm Hương L, Dương Mai N1, Mai H2 còn phải liên đới bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Hương T6 số tiền 5.776.755.000 đồng (Năm tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) - 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) = 5.426.755.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Thanh T và Trịnh Thị Thu P1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Xác nhận các bị cáo Nguyễn Tuấn T5, Nguyễn Tiến Đ, Đỗ Thanh T đã nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại các Biên lai thu tiền tương ứng số 0002586, 0002587 cùng ngày 03/7/2023, 00060924 ngày 10/4/2024 và bị cáo Đỗ Thanh T đã nộp 16.253.822 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 00060958 ngày 16/4/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Hải